

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂY HỒ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐST

Ngày: 24-8-2018

V/v: *Tranh chấp xin ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Việt Anh
2. Bà Nguyễn Thị Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Châu – Thư ký TAND quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thanh T – sinh năm: 1986; HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; Trú tại: Số nhà Q, ngõ G, phố N, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Nhân viên văn thư Trung tâm M

2. Bị đơn: Anh Trương Văn Q – sinh năm: 1985; HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; Trú tại: Số nhà V, ngách X, phố X, phường X, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Nhân viên nhà khách A

(Chị T, anh Q có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Trương Văn Q có tình hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 12/11/2009 tại UBND xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, anh chị thuê nhà chung sống

tại địa chỉ Số nhà V, ngách X, phố X, phường X, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, mỗi lần anh chị cãi nhau anh Q lại có hành vi đánh đập, chửi bới chị. Sự việc diễn ra một thời gian dài như vậy nên tình cảm vợ chồng rất khủng hoảng, anh Q nhiều lần đánh chị có sự chứng kiến của con trai. Do không thể chịu đựng được nên tháng 6/2017, chị đã đưa con ra ngoài ở nhờ nhà bạn để vợ chồng cùng có thời gian suy nghĩ nhìn nhận lại. Tuy nhiên trong thời gian sống ly thân chị phát hiện anh Q tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác hẹn nhau ở nhà nghỉ nên tình cảm hai vợ chồng càng bế tắc. Việc anh Q vi phạm chế độ hôn nhân chị không trình báo đến cơ quan có thẩm quyền, và cũng không yêu cầu xử lý về Hình sự. Nay chị xác định vợ chồng tình cảm giành cho nhau không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, hôn nhân không thể mang lại hạnh phúc cho nhau, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung là Trương Đức N – sinh ngày 13/02/2012. Chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh anh Q cấp dưỡng.

- Về tài sản, nhà đất chung: Trong quá trình chung sống, anh chị có tài sản chung bao gồm: số tiền 170.000.000đ, trong đó 60.000.000đ là tiền mặt; 2 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Đông Á (01 sổ 40.000.000đ, 01 sổ 70.000.000đ), không nhớ thời gian gửi tiết kiệm; 01 chiếc xe máy Honda Lead BKS 88K1 – 096.59 mang tên Lê Thị Thanh T và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP mua vào năm 2014 không còn giữ hóa đơn mua bán.

Đối với số tiền 170.000.000đ, trong đó 60.000.000đ là tiền mặt; 2 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Đông Á (01 sổ 40.000.000đ, 01 sổ 70.000.000đ): Chị T khai đã rút 2 sổ tiết kiệm nói trên, số sổ tiết kiệm và thời gian rút tiền chị không còn lưu trữ giấy tờ gì, không nhớ ngày tháng gửi và rút tiền. Anh Q yêu cầu chia số tiền này, tại bản lời khai đối chất ngày 01/1/2017, lời khai ngày 12/3/2018 chị T đồng ý chia cho anh Q ½ số tiền. Lời khai ngày 21/7/2018, chị T thay đổi ý kiến không đồng ý chia vì đã sử dụng hết số tiền 170.000.000đ cho các chi phí sinh hoạt trong gia đình, trả tiền học cho con, tiền thuê nhà... và đề nghị Tòa án không giải quyết đối với số tiền này.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda Lead BKS 88K1 – 096.59 mang tên Lê Thị Thanh T và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP mua vào năm 2014: Chị T đồng ý tự nguyện bàn giao lại các tài sản nói trên cho anh Q.

Về công nợ chung: Không có

Bị đơn trình bày ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, anh Q nhất trí với ý kiến của chị T và không bổ sung ý kiến gì thêm. Trong cuộc sống vợ chồng, anh Q xác nhận anh chị có xô xát, cãi vã nhưng không căng thẳng như chị T trình bày. Anh Q cũng thừa nhận có vào nhà nghỉ với người phụ nữ khác vì lý do công việc chứ không phải quan hệ tình cảm. Bản thân chị T cũng có những tin nhắn điện thoại với nội dung không trong sáng với nam đồng nghiệp cùng cơ quan. Tháng 6/2017, anh chị sống ly thân. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, bản thân anh Q cũng cố gắng cải thiện tình cảm. Nay, chị T có đơn xin ly hôn, anh Q không đồng ý ly hôn với chị T do anh vẫn còn tình cảm và không muốn con sống thiếu bố mẹ. Tuy nhiên nếu chị T cương quyết ly hôn và để anh được nuôi con chung thì anh sẽ đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung là: Trương Đức N – sinh ngày: 13/02/2012. Anh Q đề nghị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Nghĩa và yêu cầu chị T cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Hiện cháu N đang ở cùng ông bà nội ở xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc sau khi hai anh chị ly thân cho đến nay.

- Về tài sản, nhà đất chung: Anh Q cũng xác nhận trong quá trình chung sống, anh chị có tài sản chung của hai vợ chồng như chị T đã trình bày và đề nghị chị T bàn giao toàn bộ số tiền 170.000.000đ, bao gồm tiền mặt 60.000.000đ và 2 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Đông Á (01 sổ 40.000.000đ, 01 sổ 70.000.000đ); 01 chiếc xe máy Honda Lead và 01 máy tính xách tay HP cho anh Q. Về công nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, các bên giữ nguyên quan điểm của mình và không bổ sung thêm ý kiến, tài liệu nào khác.

Nguyên đơn chị T vẫn giữ yêu cầu xin được ly hôn, nuôi con chung. Đối với số tiền 170.000.000đ, trong đó 60.000.000đ là tiền mặt; 2 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Đông Á (01 sổ 40.000.000đ, 01 sổ 70.000.000đ) chị đã sử dụng chi tiêu chung cho gia đình, đề nghị Tòa án không giải quyết đối với số tiền này. Đối với 01 chiếc xe máy Honda Lead BKS 88K1 – 096.59 mang tên Lê Thị Thanh T và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP mua vào năm 2014: Chị T đồng ý tự nguyện bàn giao lại các tài sản nói trên cho anh Q.

Bị đơn anh Q trình bày: Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị T, nhưng nếu chị T cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý với điều kiện phải để cho anh nuôi con chung. Ngoài lương hàng tháng là 9.000.000 đồng, anh còn đi dạy nấu ăn thu nhập khoảng 15.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên anh không giao nộp tài liệu chứng cứ để chứng minh. Nếu anh được nuôi con chung thì sẽ không nhận tiền và tài sản nữa mà đồng ý để chị T sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử:

Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T. Chị T được ly hôn với anh Trương Văn Q.

Về con chung: Anh chị có 01 (một) con chung là: Trương Đức N – sinh ngày: 13/02/2012. Căn cứ ý kiến trình bày của các bên đương sự và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Do chị T không có yêu cầu cấp dưỡng nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q cho đến khi chị T yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

Về tài sản, nhà đất, và công nợ:

Đối với số tiền 170.000.000đ, trong đó 60.000.000đ là tiền mặt; 2 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Đông Á (01 sổ 40.000.000đ, 01 sổ 70.000.000đ): Do anh Q không bổ sung đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là hợp pháp nên đề nghị HĐXX dành quyền khởi kiện cho anh Q trong vụ án dân sự khác khi anh Q có yêu cầu.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda Lead BKS 88K1 – 096.59 mang tên Lê Thị Thanh T và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T bàn giao lại tài sản nói trên cho anh Q.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ và ý kiến trình bày của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị Thanh T có đơn xin ly hôn với anh Trương Văn Q. HĐXX xét thấy đây là tranh chấp xin ly hôn, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ vào biên bản xác minh nơi cư trú của Bị đơn do Tòa án thu thập và anh Trương Văn Q cũng xác nhận hiện đang cư trú tại số nhà 6B, ngách 28/22, phố Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 12/11/2009 tại UBND xã Hướng Đạo, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị T và anh Q đều xác định hai bên bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, trong quá trình chung sống có sự xô xát, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau. Kết quả xác minh tại địa phương và ý kiến đại diện gia đình cũng thể hiện mâu thuẫn của anh chị là có thật. Tháng 6/2017, trong thời gian anh chị sống ly thân, chị T phát hiện Q có vào nhà nghỉ với người phụ nữ khác, dẫn đến việc chị quyết định làm đơn ly hôn, anh chị sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Kể từ thời điểm ly thân cũng như sau khi chị T khởi kiện xin ly hôn ra Tòa án, anh Q không đưa ra được biện pháp hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q cũng thừa nhận đồng ý ly hôn nếu chị T để anh được nuôi con. Điều này cho thấy mâu thuẫn của hai bên là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, việc chị T yêu cầu xin ly hôn đối với anh Q là có cơ sở, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị T và anh Q có 01 (một) con chung là Trương Đức Nghĩa – sinh ngày 13/02/2012. Tại phiên tòa hôm nay, hai bên đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. HĐXX nhận thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh chị đang làm nhân viên văn thư phòng Tổ chức – hành chính, Trung tâm Mỹ thuật – Đài truyền hình Việt Nam với mức thu nhập là 21.476.500đ/tháng. Anh Q có trình bày anh đang làm nhân viên Trung tâm hội nghị Quốc tế với mức thu nhập là 9.000.000 đồng/tháng, tuy nhiên anh Q không xuất trình các tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Kể từ khi anh, chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân, anh Q đưa cháu Nghĩa về sinh sống cùng ông bà nội tại xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Qua xác minh tại địa phương cho thấy anh Q không trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung; sau khi anh chị ly thân, anh Q đưa cháu Nghĩa về cho ông Trương Văn H và bà Hoàng Thị H là bố mẹ đẻ anh Q chăm sóc, thỉnh thoảng anh có về thăm con.

Theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc giao con cho ai nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện, anh Q không trực tiếp chăm sóc cháu, chị T tuy không nuôi con nhưng vẫn có trách nhiệm đối với cháu Nghĩa trong thời gian cháu sinh sống cùng ông bà nội. Thể hiện là các hóa đơn gửi quà qua bưu điện, biên lai thu tiền học cho con do chị T nộp. Ngoài ra, gia đình chị T cũng có ý kiến sẽ hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc cháu; chị T cũng đang thuê nhà hợp đồng dài hạn, có chỗ ở và thu nhập ổn định. Do đó, HĐXX thấy cần giao cháu Nghĩa cho chị T nuôi dưỡng cháu là phù hợp.

Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nên tạm hoãn việc cấp dưỡng đối với anh Q cho đến khi chị T yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác.

- Về tài sản chung: Đối với số tiền 170.000.000đ, trong đó 60.000.000đ là tiền mặt; 2 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Đông Á (01 sổ 40.000.000đ, 01 sổ 70.000.000đ): Chị T không đồng ý chia số tiền nói trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã giải thích pháp luật và 02 lần ra Thông báo cho anh Q về việc giao nộp Đơn yêu cầu giải quyết và tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của anh là hợp pháp. Tuy nhiên, anh Q không thực hiện việc giao nộp đơn cũng như tài liệu như nội dung Thông báo của Tòa án. Do đó, HĐXX không có căn cứ để xem xét yêu cầu của anh Q. Dành quyền khởi kiện cho anh Q tại vụ án Dân sự khác khi anh có yêu cầu và xuất trình đủ tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là hợp pháp.

Đối với 01 chiếc xe máy Honda Lead BKS 88K1 – 096.59 mang tên Lê Thị Thanh T và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP: Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của chị T bàn giao lại cho anh Q các tài sản nói trên.

- Về công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Trương Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung Trương Đức N - sinh ngày: 13/02/2012 cho chị Lê Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Q cho đến khi chị T có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác. Anh Q có quyền thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở.

- Về tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T bàn giao lại cho anh Q 01 chiếc xe máy Honda Lead BKS 88K1 – 096.59 mang tên Lê Thị Thanh T và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP.

Đối với số tiền mặt 60.000.000đ và 2 sổ tiết kiệm gửi tại Ngân hàng Đông Á (01 sổ 40.000.000đ, 01 sổ 70.000.000đ): Dành quyền khởi kiện cho anh Trương Văn Q tại vụ án Dân sự khác khi anh Q có yêu cầu và xuất trình đủ tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu là hợp pháp.

- Về công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn xác nhận không có
- Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06360 ngày 30/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Tây Hồ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Tây Hồ;
- CCTHADS quận Tây Hồ;
- UBND xã H, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc (theo GCNKH số: 285, ngày 12/11/2009);
- Lưu HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Diệp